

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 23-NHNN/QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 1991

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành thể lệ tín dụng trung hạn, dài hạn đối với các tổ chức kinh tế

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Pháp lệnh Ngân hàng, HTX tín dụng và Công ty Tài chính công bố tại Lệnh số 37/LCT-HĐNN8 và Lệnh số 38/LCT-HĐNN8 ngày 24-05-1990 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 139/HĐBT ngày 08-05-1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ kinh tế kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo quyết định này: Thể lệ tín dụng trung hạn, dài hạn đối với các tổ chức kinh tế;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định ban hành trước đây trái với quyết định này đều hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Các đồng chí Chánh văn phòng, Chánh thanh tra, Vụ trưởng, Viện trưởng, Cục trưởng, các Tổng giám đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng thương mại, Ngân hàng đầu tư và phát triển, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, đặc khu thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này.

THỂ LỆ

TÍN DỤNG TRUNG HẠN, DÀI HẠN ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ

(Ban hành theo Quyết định số 23-NH/QĐ ngày 06-03-1991

của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ngân hàng thương mại, Ngân hàng đầu tư và phát triển (sau gọi tắt là tổ chức tín dụng - TCTD) cho các xí nghiệp, tổ chức kinh tế quốc doanh, tập thể, tư doanh (sau đây gọi tắt là tổ chức kinh tế - TCKT) vay vốn trung hạn, dài hạn để xây dựng mới, cải tạo, mở rộng, khôi phục, thay thế tài sản cố định; cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất (sau đây gọi tắt là công trình) trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo phương hướng, mục tiêu kế hoạch, chính sách và luật pháp của Nhà nước.

Điều 2. Nguồn vốn để cho vay trung hạn và dài hạn.

2.1. Ngân hàng đầu tư và phát triển: vốn tự có và quỹ dự trữ, vốn huy động trong nước, ngoài nước kỳ hạn trên một năm bằng các hình thức thích hợp;

2.2. Ngân hàng thương mại: vốn tự có và quỹ dự trữ; vốn huy động trong nước và vay nước ngoài (khi được phép) được sử dụng để cho vay vốn trung hạn, dài hạn.

Điều 3. Tín dụng trung hạn và dài hạn được thực hiện theo nguyên tắc:

3.1. Theo phương hướng, mục tiêu kế hoạch Nhà nước và có hiệu quả;

3.2. Vốn vay được sử dụng đúng mục đích;

3.3. Hoàn trả nợ và lãi vay đúng hạn;

3.4. Tránh rủi ro, không dồn vốn cho một số ít TCKT vay; bảo đảm khả năng thanh toán; chấp hành đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Đối tượng cho vay là công trình, hạng mục công trình hoặc dự án đầu tư, bao gồm đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng, khôi phục, thay thế tài sản cố định; cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ, tính toán được hiệu quả kinh tế trực tiếp, có luận chứng kinh tế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật và dự toán được duyệt.

Trường hợp TCKT tự làm, đối tượng phát triển cho vay là chi phí mua sắm thiết bị, máy móc, công cụ, vật liệu, nhân công... để xây dựng công trình.

Điều 5. Tổ chức kinh tế vay vốn TCTD phải đảm bảo điều kiện:

a) Có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, hoạt động và quản lý theo đúng quy định của cơ quan có thẩm quyền và pháp luật Nhà nước.

b) Sản xuất, kinh doanh có lãi; có vốn tham gia đầu tư công trình ít nhất bằng 20% giá trị dự đoán của toàn bộ công trình.

c) Chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và thể lệ tín dụng trung hạn, dài hạn của Ngân hàng.

Đối với các tổ chức kinh tế tập thể và tư doanh, còn phải có thêm các điều kiện:

Có giấy phép kinh doanh (đối với những ngành nghề phải có giấy phép theo quy định của Nhà nước);

Có hộ khẩu thường trú, trụ sở chính tại địa bàn huyện (quận), thị xã, thành phố nơi TCTD phụ trách cho vay.

Những trường hợp TCKT tập thể, tư doanh phải có tài sản thế chấp tiền vay thì thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và hướng dẫn của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc TCTD. Mức vốn được vay không quá 80% giá trị tài sản thế chấp hợp pháp.

Điều 6. Tổ chức kinh tế quốc doanh được lựa chọn TCTD trên địa bàn (tỉnh, thành phố) để vay vốn tín dụng trung hạn hoặc dài hạn, nhưng chỉ được vay vốn tại TCTD; không có dư nợ loại tín dụng này tại TCTD khác.

Điều 7. Thời hạn cho vay trung hạn từ trên 1 năm đến 3 năm, cho vay dài hạn từ trên 3 năm đến 10 năm, kể từ khi TCKT nhận món vay đầu tiên đến khi trả hết nợ trên cơ sở TCTD có nguồn vốn tương ứng.

Điều 8. Lãi suất cho vay được thực hiện theo mức quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 9. TCTD không được cho một TCKT vay quá 10% vốn tự có và quỹ dự trữ. Tổng số vốn cho 10 TCKT vay nhiều nhất không quá 30% tổng số dư nợ cho vay của TCTD.

Điều 10. TCTD không được ưu đãi đối với những đối tượng đã quy định ở Điều 30 Pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính về lãi suất tiền vay, tiền phạt; về những món vay có cùng mức vốn, thời hạn cho vay, hiệu quả kinh tế, tính rủi ro... như những tổ chức kinh tế khác.

Khi xét cho vay đối với các đối tượng này, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc TCTD phải báo cáo về quan hệ của người vay đối với TCTD; phương án sản xuất, đối tượng vay, thực trạng tài chính và uy tín của người vay để Hội đồng quản trị xem xét quyết định.